Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Table 1 Scenario of use-case Cập nhật thông tin cá nhân

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Cập nhật thông tin cá nhân** |
| **Brief description** | Người dùng sẽ có thể cập nhật thông tin cá nhân của chính mình. |
| **Actor(s)** | Người dùng |
| **Pre-conditions** | Người dùngđã đăng nhập vào hệ thống. |
| **Post-conditions** |  |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case được kích hoạt khi người dùng truy cập vào trang quản lí tài khoản, và thực hiện chức năng cập nhật thông tin cá nhân của mình:   1. Hệ thống hiển thị thông tin của người dùng 2. Người dùng chỉnh sửa thông tin cá nhân 3. Hệ thống xác nhận yêu cầu chỉnh sửa 4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin 5. Hệ thống cập nhật CSDL |
| Alternative flow  (Thất bại) | Ở bước (3) của Basic flow nếu người dùng không xác nhận yêu cầu chỉnh sửa thông tin thì hệ thống sẽ không cập nhật thông tin mới.  Ở bước (4) của Basic flow nếu thông tin người dùng nhập vào hệ thống là không hợp lệ thì hệ thống sẽ báo lỗi cho biết những thông tin nào không hợp lệ và quay lại bước số (2). |
| **Extension point** |  |

Table 2 Scenario of use-case Chỉnh sửa CV

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Chỉnh sửa CV** |
| **Brief description** | Người dùng sẽ có thể chỉnh sửa CV của chính mình |
| **Actor(s)** | Người dùng cơ bản |
| **Pre-conditions** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống |
| **Post-conditions** | Khi quản lí trang portfolio của mình, sẽ có phần quản lí CV dẫn tới phần chỉnh sửa CV. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case được kích hoạt khi người dùng truy cập vào phần quản lí CV cá nhân dẫn tới phần chỉnh sửa CV của mình:   1. Hệ thống hiển thị thông tin CV của người dùng 2. Người dùng chỉnh sửa thông tin CV cá nhân 3. Hệ thống xác nhận yêu cầu chỉnh sửa 4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin 5. Hệ thống cập nhật CV trên CSDL |
| Alternative flow  (Thất bại) | Ở bước (3) của Basic flow nếu người dùng không xác nhận yêu cầu chỉnh sửa thông tin thì hệ thống sẽ không cập nhật thông tin mới.  Ở bước (4) của Basic flow nếu thông tin người dùng nhập vào hệ thống là không hợp lệ thì hệ thống sẽ báo lỗi cho biết những thông tin nào không hợp lệ và quay lại bước số (2). |
| **Extension point** |  |

Table 3 Scenario of use-case Chỉnh sửa thiết kế

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Chỉnh sửa thiết kế** |
| **Brief description** | Người dùng sẽ có thể chỉnh sửa thiết kế trang portfolio của chính mình |
| **Actor(s)** | Người dùng cơ bản |
| **Pre-conditions** | Người dùng **phải** có tài khoản trên hệ thống, đã đăng nhập vào hệ thống |
| **Post-conditions** | Khi quản lí trang portfolio của mình, sẽ có phần tùy chỉnh giao diện dẫn tới phần chỉnh sửa thiết kế. |
| **Flow of events** | Đăng nhập 🡺 Trang portfolio 🡺 tùy chỉnh giao diện 🡺 chỉnh sửa thiết kế. |
| Basic flow  (Thành công) | Use case được kích hoạt khi người dùng truy cập vào phần tùy chỉnh giao diện trang portfolio cá nhân của mình:   1. Hệ thống hiển thị trang chỉnh sửa portfolio của người dùng 2. Người dùng chỉnh sửa thông tin portfolio cá nhân 3. Hệ thống xác nhận yêu cầu chỉnh sửa 4. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của thông tin 5. Hệ thống cập nhật portfolio trên CSDL |
| Alternative flow  (Thất bại) | Ở bước (3) của Basic flow nếu người dùng không xác nhận yêu cầu chỉnh sửa thông tin thì hệ thống sẽ không cập nhật thông tin mới.  Ở bước (4) của Basic flow nếu thông tin người dùng nhập vào hệ thống là không hợp lệ thì hệ thống sẽ báo lỗi cho biết những thông tin nào không hợp lệ và quay lại bước số (2). |
| **Extension point** |  |

Table 4. Scenario of use-case Đăng ký

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Đăng ký** |
| **Brief description** | Usecase này cho phép những người dùng ẩn danh (người dùng chưa có tài khoản trên hệ thống) có thể đăng kí tài khoản trên hệ thống. |
| **Actor(s)** | Người dùng ẩn danh |
| **Pre-conditions** | Người dùng chưa có tài khoản trên hệ thống |
| **Post-conditions** | Khi đăng kí thành công hệ thống tự động đăng nhập, đặt vai trò của người dùng là “người dùng cơ bản” và mở khóa các chức năng tương ứng. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case được kích hoạt khi người dùng truy cập vào trang đăng kí tài khoản của hệ thống:   1. Hệ thống hiển thị form đăng kí tài khoản 2. Người dùng nhập thông tin cá nhân và ấn đăng kí 3. Hệ thống xác nhận thông tin người dùng (xem người dùng đã có tài khoản trên hệ thống hay chưa) 4. Gửi email kèm link xác thực đăng kí cho người dùng 5. Người dùng truy cập vào link được hệ thống cung cấp 6. Hệ thống kiểm tra, xác thực email đăng kí 7. Hệ thống tạo tài khoản cho người dùng 8. Hệ thống gửi thông báo cho người dùng là tài khoản được đăng kí thành công và chuyển hướng người dùng đến trang cá nhân. |
| Alternative flow  (Thất bại) | Khi thất bại ở bước (3) trong Basic flow, hệ thống sẽ thông báo là tài khoản của người dùng đã tồn tại.  Nếu thất bại ở bước (6) hệ thống cảnh bảo người dùng. |
| **Extension point** | 1. Ở trang đăng kí hệ thống hiển thị nút đăng nhập cho người dùng đã có tài khoản. 2. Hệ thống cho phép người dùng được gửi lại mã xác thực sau 1 phút. |

Table 5 Scenario of use-case Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Đăng nhập** |
| **Brief description** | Usecase này cho phép người dùng đã có tài khoản trên hệ thống thực hiện đăng nhập, xác thực danh tính, vai trò của mình trên hệ thống. |
| **Actor(s)** | Người dùng, người dùng cơ bản, quản trị viên hệ thống, người dùng đặc biệt. |
| **Pre-conditions** | Người dùng đã có tài khoản trên hệ thống, chưa đăng nhập vào hệ thống |
| **Post-conditions** | Sau khi đăng nhập thành công hệ thống mở khóa các chức năng tương ứng với vai trò của người dùng trong hệ thống. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case được kích hoạt khi người dùng ẩn danh (chưa đăng nhập) truy cập vào các chức năng yêu cầu xác thực vai trò người dùng hoặc truy cập vào trang đăng nhập của hệ thống:   1. Hệ thống hiển thị form yêu cầu người dùng nhập thông tin tài khoản (username, password) 2. Người dùng nhập thông tin tài khoản 3. Hệ thống xác thực thông tin tài khoản 4. Hệ thống xác định vai trò của người dùng 5. Chuyển hướng người dùng đến chuyên trang theo vai trò của người dùng trong hệ thống |
| Alternative flow  (Thất bại) | Ở bước (3) của Basic flow nếu hệ thống xác thực thông tin tài khoản thất bại:   1. Hệ thống thông báo xác thực thất bại 2. Người dùng được chuyển về trang đăng nhập 3. Thực hiện lại bước (1) ở Basic flow |
| **Extension point** | 1. Hệ thống hiển thị nút đăng kí ở trang đăng nhập để người dùng có thể chọn đăng kí tài khoản nếu chưa có tài khoản. 2. Hệ thống hiển thị nút quên mật khẩu cho người dùng lấy lại mật khẩu của tài khoản. 3. Nếu người dùng hủy yêu cầu đăng nhập hệ thống đưa người dùng về trang chủ. |

Table 6.Scenario of use-case Đăng xuất

|  |  |
| --- | --- |
| **Name** | **Đăng xuất** |
| **Brief description** | Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống có thể đăng xuất khỏi hệ thống để kết thúc phiên làm việc trên hệ thống |
| **Actor(s)** | Người dùng, người dùng cơ bản, quản trị viên hệ thống, người dùng đặc biệt. |
| **Pre-conditions** | Người dùng đã có tài khoản trên hệ thống, đã đăng nhập vào hệ thống |
| **Post-conditions** | Sau khi đăng xuất, toàn bộ các thông tin về phiên làm việc của người dùng sẽ bị xóa và chấm dứt việc truy cập vào những chức năng cần xác thực vai trò người dùng và quay về trang chủ. Lúc này, người dùng quay về vai trò là người dùng ẩn danh. |
| **Flow of events** |  |
| Basic flow  (Thành công) | Use case được kích hoạt khi người dùng truy cập vào trang đăng xuất của hệ thống:   1. Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu người dùng xác nhận đăng xuất khỏi hệ thống 2. Người dùng xác nhận đăng xuất khỏi hệ thống 3. Hệ thống chấm dứt phiên làm việc của người dùng |
| Alternative flow  (Thất bại) | Ở bước (2) của Basic flow nếu người dùng không xác nhận đăng xuất thì hệ thống sẽ dừng việc đăng xuất và phiên làm việc của người dùng trên hệ thống vẫn tiếp tục |
| **Extension point** | Không có |